

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SƠN LA
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 06/6/2017

V/v: Ly hôn giữa chị H, anh D.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SƠN LA - TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hoa.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bạ.

2. Ông Lù Văn Quý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Ngân Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 116/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2017 về Xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2017/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị H; Có mặt.

Trú tại: Tổ 3, phường C, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

2. *Bị đơn:* Anh Cao Tùng D; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

ĐKKHKT: Khối X, thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La;

Tạm trú tại: Tổ 12, phường C, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La;

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Đội 29, phân trại số 2, Trại giam Suối Hai, xã Cẩm Lĩnh, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Về tình cảm: Chị H và anh Cao Tùng D kết hôn từ ngày 12/8/2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, không ai bị ép buộc. Quá trình chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 6/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, anh D nghiện ma túy, không

chăm lo cho cuộc sống gia đình và con cái. Anh D đã phải đi chấp hành án phạt tù về hành vi vi phạm pháp luật một lần, sau khi trở về chị H đã cho anh cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng song anh D vẫn không thay đổi, cải tạo. Đến nay anh D lại tiếp tục phải đi chấp hành án phạt tù về tội ma túy. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, chị H có nguyện vọng xin ly hôn anh Cao Tùng D.

Về con chung: Chị H và anh D có 01 con chung là cháu Cao Thanh P – sinh ngày 18/3/2013. Chị H có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu P. Không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; Về nợ chung; Về tài sản riêng: Chị H cam đoan vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, tài sản riêng.

Trong bản tự khai, biên bản ghi lời khai bị đơn anh Cao Tùng D trình bày:

Về tình cảm: Anh D nhất trí với lời khai của chị H về thời gian và địa điểm kết hôn. Hôn nhân là do tự nguyện, không ai bị ép buộc. Quá trình chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 7/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, anh D nghiện ma túy, phải đi chấp hành hình phạt tù tại trại giam về tội ma túy, khiến vợ chồng xảy ra xích mích. Tuy nhiên, đến nay anh D xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, có nguyện vọng được tiếp tục chung sống sau khi anh D đi chấp hành án tù trở về, không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh D và chị H có 01 con chung là cháu Cao Thanh P – sinh ngày 18/3/2013. Nếu ly hôn, anh D có nguyện vọng để bố mẹ đẻ của anh nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu P cho đến khi anh D đi chấp hành án phạt tù trở về sẽ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu. Không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; Về nợ chung; Về tài sản riêng: Anh D cam đoan vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, tài sản riêng.

Tại phiên tòa, chị Phạm Thị H vẫn giữ nguyên quan điểm của mình là xin được ly hôn với anh Cao Tùng D; Về con chung: chị H xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Cao Thanh P – sinh ngày 18/3/2013, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung; Về nợ chung; Về tài sản riêng: không có.

Anh Cao Tùng D có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, giữ nguyên mọi ý kiến đã trình bày tại bản tự khai và biên bản ghi lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về kiểm sát việc tuân theo pháp luật: Việc thụ lý, giải quyết của thẩm phán và quá trình xét xử của Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật, việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng.

Đề xuất hướng giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về tình cảm: Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Cao Tùng D.

Về con chung: chấp nhận đề nghị của chị Phạm Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Cao Thanh P – sinh ngày 18/3/2013, anh Cao Tùng D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; Về nợ chung; Về tài sản riêng: không có.

Các đương sự phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên. Tòa án nhận định như sau:

Về Tố tụng: Do anh Cao Tùng D đang chấp hành án phạt tù tại Đội 29, Phân trại số 2 - Trại giam Suối Hai, xã Cẩm Lĩnh, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Sơn La đã thực hiện các thủ tục Ủy thác tổng đạt văn bản tố tụng, lấy lời khai theo đúng quy định. Ngày 17/4/2017, anh Cao Tùng D có đơn xin xét xử vắng mặt gửi Tòa án nhân dân thành phố Sơn La. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Cao Tùng D.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Cao Tùng D kết hôn từ ngày 12/8/2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, không ai bị ép buộc nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh D là hợp pháp.

Quá trình chung sống đến khoảng tháng 6/2016 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra xích mích, cãi vã, chủ yếu là do anh D nghiện ma túy, không lao động, không có thu nhập, không đóng góp cho cuộc sống gia đình, không chăm lo cho vợ con, không tu trí cải tạo. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình tiến hành hòa giải nhưng không khắc phục được. Hiện nay anh D đang phải đi chấp hành án phạt tù tại trại giam về tội ma túy. Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai, đơn xin xét xử vắng mặt, anh D xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, đề nghị được đoàn tụ gia đình, không nhất trí ly hôn. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán, hội đồng xét xử đã phân tích khuyên giải hướng cho chị H suy nghĩ rút yêu cầu xin ly hôn để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị H vẫn kiên quyết xin được ly hôn.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị H và anh D trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh D là đối tượng nghiện ma túy, đang phải chấp hành án phạt tù về tội ma túy, không chăm lo cho cuộc sống gia đình, do đó cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Cao Tùng D, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị H và anh D có 01 con chung là cháu Cao Thanh P – sinh ngày 18/3/2013. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu P; không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Anh D có nguyện vọng để bố mẹ đẻ của anh nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu P cho đến khi anh D đi chấp hành án phạt tù trở về sẽ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu. Không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, kể từ khi anh D phải đi chấp hành án phạt tù tại trại giam, cháu P vẫn ở cùng với chị H và có điều kiện được học tập, phát triển. Chị H có đủ điều kiện để chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu P (chị H có nơi cư trú, có công việc, thu nhập ổn định). Anh Cao Tùng D là đối tượng nghiện ma túy, đang phải chấp hành án phạt tù về tội ma túy nên không có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng cháu P. Sau khi anh D chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương, vẫn cần có thời gian để anh D cai nghiện, tiếp tục cải tạo, lao động trở thành công dân có ích cho xã hội, không gây ảnh hưởng đến môi trường giáo dục và phát triển của cháu P.

Về cấp dưỡng: chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Anh D đang chấp hành án phạt tù tại trại giam, không có điều kiện để cấp dưỡng nuôi con.

Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con chung là cháu Cao Thanh P cho chị Phạm Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung; Về nợ chung; Về tài sản riêng: không có.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo qui định của pháp luật theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56; 57; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Cao Tùng D.

2. *Về con chung:* Giao con chung là cháu Cao Thanh P – sinh ngày 18/3/2013 cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi cháu P trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Anh Cao Tùng D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

3. Về án phí:

Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000,đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 03325 ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chi cục thi hành án thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSNDTP Sơn La;
- Chi cục THADSTP Sơn La;
- UBND phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La (để vào sổ hộ tịch);
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu .

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Hoa